Ý ĐỊNH SỬ DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ HỌC TẬP LMS CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM THỊ HÀ CHI
NGUYỄN HỒ BẢO ĐOAN
TRẦN MAI LÂM
LÊ QUỲNH NHƯ
NGUYỄN VŨ THÀNH TÂM
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 10/10/2025. Sửa chữa xong 20/11/2025. Duyệt đăng 25/12/2025.

Abstract

This study investigates the factors influencing students' intention to use a learning management system (LMS) at a university in Ho Chi Minh City, based on data collected from 181 participants. A mixed-methods approach was employed: quantitative data were obtained through a structured questionnaire and analyzed using structural equation modeling (SEM), while qualitative insights were gathered through in-depth interviews. The results indicate that social-psychological influences, perceived usefulness, and perceived ease of use have a positive and statistically significant impact on students' intention to adopt the LMS. In contrast, support level, interaction, and feedback show no significant effect. Qualitative findings further reveal challenges related to notification functions, document storage, mobile interface limitations, and insufficient lecturer–student interaction. Based on these findings, the study recommends enhancing LMS features, improving interface design, and strengthening instructors' guidance to optimize user experience and encourage LMS adoption in the context of higher education digital transformation.

Keywords: *Higher education, intention to use, learning management system, LMS, MBA, TAM.*

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại 4.0 như hiện nay, giáo dục đang có những thay đổi trong công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề trong dạy - học, quản lý và đánh giá quá trình giáo dục. Sự xuất hiện của hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS) như một công cụ hữu ích giúp kết nối người dạy và người học; lưu trữ và chia sẻ tài nguyên dễ dàng; theo dõi tiến độ học tập, đánh giá kết quả và quản lý chất lượng giáo dục nhờ các tính năng dễ sử dụng. Bên cạnh những lợi ích trên, việc áp dụng và phát triển hệ thống quản lý học tập này cần được xem xét và cân nhắc dựa trên những phản hồi, đánh giá và cảm nhận thực tế của sinh viên (SV) - đối tượng thụ hưởng trực tiếp. Trong thực tế, các quốc gia như Úc, Trung Quốc, Philippines, Ả Rập Xê Út… đã có nhiều bài nghiên cứu về tầm quan trọng của hệ thống và các yếu tố ảnh hưởng đến sự chấp nhận và sử dụng LMS. Tại Việt Nam chỉ có một số ít nghiên cứu về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng hệ thống quản lý học tập của SV. Vì vậy, bài nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng sử dụng hệ thống quản lý học tập của SV để đưa ra những đề xuất thay đổi và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn tại cơ sở giáo dục.

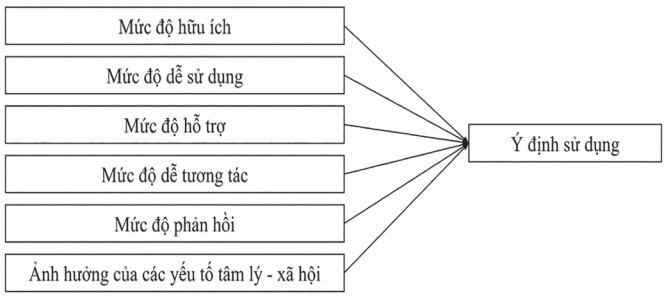
2. Cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu đề xuất

Thông qua việc tìm hiểu và nghiên cứu về các mô hình Chấp nhận công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM), Đánh giá dựa trên thiết bị di động (Mobile-Based Assessment - MBA) và

Email: thanhtam@hcmussh.edu.vn

Chấp nhận đánh giá dựa trên di động (Mobile-Based Assessment Acceptance Model - MBAAM), nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu với 6 nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến ý định sử dụng LMS của SV, gồm: Mức độ hỗ trợ, mức độ tương tác, mức độ phản hồi, mức độ dễ sử dụng, mức độ hữu ích, ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý xã hội.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Thứ nhất, hữu ích là mức độ mà người dùng tin rằng việc sử dụng một hệ thống cụ thể sẽ nâng cao hiệu suất công việc của họ được. Yếu tố này biểu hiện thông qua mức độ đánh giá của SV về những công dụng và các chức năng hỗ trợ của LMS đối với việc nâng cao hiệu quả học tập của họ. Đây là yếu tố mạnh nhất có ảnh hưởng đáng kể đối với ý định hành vi trong mô hình TAM (Karim và cộng sự, 2021) [3, tr. 45-58]. Bui và cộng sự (2020) nghiên cứu về việc áp dụng LMS với 968 giảng viên tại 10 trường đại học ở Việt Nam đã nhấn mạnh rằng tính hữu ích có ảnh hưởng tích cực đối với ý định sử dụng LMS [2, tr. 3-17].

Thứ hai, tính dễ sử dụng là yếu tố cốt lõi còn lại của mô hình TAM, đề cập đến mức độ mà người dùng tin rằng việc sử dụng một hệ thống cụ thể sẽ không tốn nhiều nỗ lực của họ. Theo Davis (1989), nhận thức về tính dễ sử dụng có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức về tính hữu ích và ý định sử dụng công nghệ [4, tr. 319-340]. Xoay quanh LMS, giao diện trực quan, đơn giản ảnh hưởng đến nhận thức về tính dễ sử dụng của LMS. Ngoài ra, Nikou và Economides (2017) đã so sánh các hệ thống đánh giá trên máy tính và trên thiết bị di động trong nghiên cứu của mình [5, tr. 83-95]. Kết quả cho thấy tính di động và tính linh hoạt của các hệ thống trên thiết bị di động góp phần làm tăng nhận thức về tính dễ sử dụng, từ đó gián tiếp tác động tích cực lên ý định sử dụng của SV.

Thứ ba, tính hỗ trợ xuất hiện trong mô hình MBAAM, được hiểu là mức độ mà người dùng tin rằng điều kiện cần thiết để hỗ trợ việc sử dụng một hệ thống công nghệ (Venkatesh và cộng sự, 2003) [10]. Hệ thống LMS ngoài cung cấp những chức năng hỗ trợ việc học còn có sẵn đội ngũ kỹ thuật giúp đảm bảo chất lượng của hệ thống và trải nghiệm của người dùng.

Thứ tư, mức độ tương tác là những tác động của hệ thống đối với sự tương tác giữa SV và giảng viên, giữa các SV với nhau và đối với việc tạo dựng một môi trường học tập tương tác trực tuyến (Traxler, 2007) [9, tr. 1-12]. Bên cạnh mô hình MBA, nghiên cứu của tác giả Trần Quốc Trung (2021) cho rằng các tính năng tương tác đa chiều như diễn đàn thảo luận, trò chuyện trực tuyến và công cụ cộng tác trong hoạt động nhóm làm tăng sự tham gia và động lực của SV, từ đó tác động tích cực lên ý định sử dụng LMS [8, tr. 66-72].

Thứ năm, mức độ phản hồi là quá trình phản ánh tính kịp thời và hữu ích của thông tin phản hồi mà người dùng nhận được thông qua hệ thống LMS (Nikou & Economides, 2018) [6, tr. 101-119]. Theo Cidral và cộng sự (2018) hay Turnbull và cộng sự (2020) đều nhấn mạnh SV coi trọng việc nhận được phản hồi kịp thời và hữu ích từ giảng viên và hệ thống [7, tr. 164-178]. Điều đó đồng nghĩa với việc yếu tố này ảnh hưởng tích cực đến ý định tiếp tục sử dụng hệ thống.

Thứ sáu, sự ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý xã hội đề cấp đến mức độ mà một cá nhân nhận thức rằng những người khác tin rằng họ nên sử dụng hệ thống mới (Venkatesh và cộng sự, 2003) [10]. Con người luôn chịu tác động từ xã hội xung quanh và chính những yếu tố tâm lý trong mình. Các nhân tố như bạn bè, giảng viên, nhà trường và các đặc điểm cá nhân có thể tác động đến ý định sử dụng công

nghệ nói chung và hệ thống quản lý học tập nói riêng. Kết quả này được nhấn mạnh trong nghiên cứu của Alharbi và cộng sự (2021) [1, tr. 353-388].

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu định lượng

3.1.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 181 SV Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện được sử dụng để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai khảo sát. Thời gian khảo sát diễn ra từ tháng 09/2024 đến tháng 01/2025, thông qua hình thức bảng hỏi trực tuyến trên Google Form.

3.1.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu định lượng được thu thập bằng bảng hỏi cấu trúc sẵn, thiết kế dựa trên cơ sở các mô hình lý thuyết TAM, MBA và MBAAM. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn thực hiện phỏng vấn sâu nhằm thu thập thông tin định tính hỗ trợ cho việc phân tích và lý giải kết quả khảo sát.

3.1.3. Công cụ đo lường và thiết kế bảng hỏi

Thang đo được kế thừa và hiệu chỉnh từ nghiên cứu của Nikou và Economides (2017) để phù hợp với bối cảnh SV tại Việt Nam [5, tr. 83-95]. Bảng hỏi gồm 3 phần:

Phần 1: Thông tin nhân khẩu học và mức độ sử dụng LMS. Phần 2: Thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng LMS gồm: FD - Mức độ hỗ trợ; I - Mức độ tương tác; CF - Mức độ phản hồi; PEU - Mức độ dễ sử dụng PU - Mức độ hữu ích; SPI - Ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý xã hội; BIU - Ý định sử dụng hệ thống.

Nhóm nghiên cứu sử dụng thang Likert 5 mức độ (từ 1 = Hoàn toàn không đồng ý đến 5 = Hoàn toàn đồng ý).

Phần 3: Câu hỏi mở nhằm ghi nhận đề xuất cải thiện nền tảng LMS từ SV.

3.1.4. Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu sau khi thu thập được làm sạch, mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS và SmartPLS. Các bước xử lý bao gồm: - Phân tích thống kê mô tả để trình bày đặc điểm mẫu và xu hướng trả lời; - Đánh giá độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha; - Kiểm định giá trị hội tụ và giá trị phân biệt bằng tiêu chí Fornell-Larcker và HTMT; - Phân tích mô hình cấu trúc PLS-SEM nhằm xác định mối quan hệ giữa các yếu tố và ý định sử dụng LMS của SV.

3.2. Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính nhằm xác định và hoàn thiện các thang đo về những yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng hệ thống LMS của SV, làm cơ sở xây dựng bảng hỏi và phục vụ cho nghiên cứu định lượng. Việc xác định thang đo được thực hiện dựa trên cơ sở tổng hợp lý thuyết từ các mô hình TAM, MBA và MBAAM, kết hợp với kết quả phỏng vấn sâu SV - là những người đã có trải nghiệm học tập thực tế trên hệ thống LMS. Dữ liệu từ phỏng vấn được sử dụng để kiểm tra tính phù hợp của các thang đo với bối cảnh thực tiễn, đồng thời bổ sung các đề xuất cải tiến hệ thống LMS từ góc nhìn người học. Sau khi hoàn tất quá trình tổng hợp lý thuyết và phân tích nội dung phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã điều chỉnh, bổ sung các biến quan sát cho từng nhóm thang đo để đảm bảo độ phù hợp và khả năng đo lường trong khảo sát định lượng.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng LMS

4.1.1. Định lượng

a. Thống kê mô tả: Kết quả thống kê mô tả cho thấy SV đánh giá các biến nghiên cứu ở mức tích cực với điểm trung bình dao động từ 3.28 đến 3.88 trên thang Likert 5 điểm. Độ lệch chuẩn ở tất cả các biến đều dưới 1, phản ánh mức độ đồng thuận cao trong nhận định của đa số SV về các yếu tố thuộc hệ thống LMS.

Bảng 1: Mô tả bảng khảo sát

Biến	ĐTB	ĐLC
Mức độ hỗ trợ (FD)	3.63	0.845
Mức độ tương tác (I)	3.458	0.88
Mức độ phản hồi (CF)	3.473	0.791
Mức độ dễ sử dụng (PEU)	3.634	0.793
Mức độ hữu ích (PU)	3.611	0.842
Ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý xã hội (SPI)	3.618	0.776
Ý định sử dụng (BIU	3.796	0.881

b. Kiểm định mô hình đo lường: Kết quả nghiên cứu cho thấy các thang đo trong mô hình đều đạt các ngưỡng chấp nhận về độ tin cậy tổng hợp, phương sai trích và đa cộng tuyến. Cụ thể, các chỉ số Cronbach's Alpha, CR đều lớn hơn 0.7, chỉ số phương sai trích (AVE) đều lớn hơn 0.5 và các giá trị VIF nhỏ hơn 5, khẳng định không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Do vậy, các biến đo lường đều đảm bảo độ tin cậy và giá trị hội tụ, phù hợp của các thang đo được sử dụng trong nghiên cứu.

Bảng 2: Độ tin cậy và giá trị hội tụ các thang đo

Biến	Hệ số tải nhân tố Λ	Hệ số Cronbach's Alpha α	Độ tin cậy tổng hợp CR	Phương sai trích AVE	Đa cộng tuyến VIF
Mức độ hỗ trợ		**0.913**	**0.932**	**0.697**	
FD1	0.86				2.893
FD2	0.833				2.603
FD3	0.857				2.746
FD4	0.852				2.86
FD5	0.817				2.172
FD6	0.786				2.078
Mức độ tương tác		**0.934**	**0.948**	**0.754**	
I1	0.875				3.484
I2	0.844				3.026
I3	0.866				3.224
I4	0.828				2.435
I5	0.916				4.522
I6	0.878				3.093
Mức độ phản hồi		**0.896**	**0.923**	**0.706**	
CF1	0.777				2.38
CF2	0.821				2.289
CF3	0.877				2.916
CF4	0.865				2.866
CF5	0.858				3.143
Mức độ dễ sử dụng		**0.941**	**0.95**	**0.679**	
PEU1	0.803				2.545
PEU10	0.872				3.953
PEU11	0.765				2.288
PEU2	0.751				2.98
PEU3	0.798				3.003
PEU4	0.878				3.458
PEU6	0.847				3.267
PEU7	0.84				3.407
PEU8	0.853				3.281
Mức độ hữu ích		**0.938**	**0.953**	**0.801**	
PU1	0.882				2.933
PU3	0.908				3.769
PU4	0.897				3.316
PU5	0.873				2.991
PU6	0.914				4.025
Ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý xã hội		**0.932**	**0.946**	**0.747**	
SPI1	0.849				2.964

SPI2	0.858				3.309
SPI3	0.891				3.67
SPI4	0.842				2.788
SPI5	0.883				3.59
SPI6	0.86				3.103
Ý định sử dụng		**0.933**	**0.957**	**0.882**	
BIU1	0.948				4.474
BIU2	0.928				3.468
BIU3	0.941				4.008

c. Kiểm định mô hình cấu trúc và các mối quan hệ: Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc bằng phương pháp SEM cho thấy mô hình lý thuyết có khả năng giải thích 79.6% biến thiên của ý định sử dụng LMS ($R^2 = 0.796$), khẳng định mức độ phù hợp tốt của mô hình trong bối cảnh nghiên cứu. Phân tích đường dẫn chỉ ra ba nhân tố bao gồm: ảnh hưởng tâm lý xã hội, mức độ hữu ích và mức độ dễ sử dụng của LMS có tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê đến ý định sử dụng hệ thống (với các hệ số β lần lượt là 0.387, 0.380 và 0.260; $p < 0.05$). Ngược lại, các yếu tố mức độ hỗ trợ, mức độ phản hồi và mức độ tương tác đều không có ảnh hưởng đáng kể ($p > 0.05$).

Bảng 3: Các mối quan hệ trực tiếp của kiểm định giả thuyết

Nội dung đo lường	Hệ số β	Giá trị t	p-value
Ảnh hưởng tâm lý xã hội → Ý định sử dụng	0.387	3.785	0
Mức độ dễ sử dụng → Ý định sử dụng	0.26	2.516	0.012
Mức độ hữu ích → Ý định sử dụng	0.38	3.48	0.001
Mức độ hỗ trợ → Ý định sử dụng	0.012	0.138	0.89
Mức độ phản hồi → Ý định sử dụng	-0.038	0.387	0.699
Mức độ tương tác → Ý định sử dụng	-0.086	0.913	0.361
	R-sq		
Ý định sử dụng LMS	0.796		

Kết quả này cho rằng SV đánh giá cao vai trò của sự ảnh hưởng tâm lý xã hội từ giảng viên và bạn bè cũng như các yếu tố dễ sử dụng và hữu ích trong trải nghiệm với LMS. Các yếu tố về mức độ hỗ trợ, phản hồi và tương tác, tuy vẫn quan trọng về mặt lý thuyết nhưng chưa đạt được mức ảnh hưởng đáng kể lên ý định sử dụng trong thực tiễn khảo sát.

4.1.2. Định tính

Dựa trên kết quả phỏng vấn bán cấu trúc 12 SV, nghiên cứu đã làm rõ được mối quan hệ giữa các yếu tố hỗ trợ, tương tác, phản hồi, dễ sử dụng, hữu ích, các yếu tố tâm lý xã hội đến ý định sử dụng LMS của SV.

Bảng 4: Các yếu tố ảnh hưởng mạnh đến ý định sử dụng LMS

Chủ đề	Mã hóa	Diễn giải
Mức độ hữu ích	Phục vụ cho môn học	Thể hiện rõ các mục đích phục vụ học tập của LMS, một yếu tố quan trọng không thể thiếu của hệ thống
	Dễ dàng nộp bài và quản lý	Biểu hiện chức năng quản lý và lưu trữ bài nộp hiệu quả
	Phục vụ học trực tuyến	Cho thấy rõ mục đích phục vụ quá trình dạy và học online, giúp người học sắp xếp thời gian linh hoạt
	Trao đổi và làm việc nhóm hiệu quả	Thể hiện tính năng làm việc nhóm, tương tác giữa người học với nhau
Mức độ dễ sử dụng	Dễ sử dụng	Hệ thống dễ sử dụng, kể cả người mới
	Hệ thống truy cập nhanh	Thao tác đăng nhập diễn ra nhanh gọn
	Giao diện hạn chế ở thiết bị màn hình nhỏ	Phản ánh giao diện bị giới hạn ở các thiết bị có màn hình như như điện thoại hay máy tính bảng
	Ngôn ngữ gây cản trở	Ngôn ngữ gây cản trở

Yếu tố tâm lý xã hội	Sự tác động từ giảng viên	Cho thấy mọi thông tin đều được giảng viên thể hiện trên hệ thống LMS
	Tính bắt buộc	Biểu hiện rõ quá trình học tập của người học bắt buộc được trình bày tại LMS
	Sử dụng theo SV khác	Phản ánh mục đích sử dụng của SV do tất cả SV khác đều sử dụng

Thông qua bảng trên, nghiên cứu ghi nhận phần lớn SV cho rằng LMS có giao diện thân thiện và các chức năng dễ sử dụng "Đây là một trang web tương đối dễ sử dụng với SV kể cả những SV mới", SV cũng đánh giá tích cực về khả năng truy cập nhanh chóng của hệ thống "Mình cảm thấy dùng LMS rất hiệu quả vì nó tải rất nhanh". Bên cạnh đó, tính hữu ích mà LMS đem lại giúp SV theo dõi tiến độ học tập cũng như các chức năng phục vụ mục đích học tập "Mình rất hài lòng vì sự tiện dụng của LMS, hầu như đáp ứng hết các yêu cầu cơ bản". SV cũng bị ảnh hưởng từ tâm lý xã hội trong quá trình tự tìm hiểu về hệ thống LMS.

Bảng 5: Các yếu tố về mức độ hỗ trợ, tương tác và phản hồi

Chủ đề	Mã hóa	Diễn giải
Mức độ hỗ trợ	Bổ trợ việc học	Thể hiện sự tiện ích trong quá trình học tập, kiểm tra và gia tăng sự tương tác giữa người dạy và người học
	Linh hoạt về thời gian và địa điểm	Cho thấy mức độ hỗ trợ về tính linh hoạt của nơi học và thời gian học tập
Mức độ tương tác	Ít tác động	Phản ánh quá trình ít tương tác đến tính năng này của người học đến hệ thống
	Khó đánh giá thái độ	Biểu hiện sự hạn chế của tính tương tác, người học còn khó khăn trong quá trình đánh giá thái độ thành viên nhóm
Mức độ phản hồi	Dễ bị lỗi đột ngột	Phản ánh tình trạng hệ thống dễ bị lỗi tải trang, gây cản trở người học
	Gặp vấn đề một số dịp	Phản ánh các trường hợp bị quá tải hệ thống trong những giờ, ngày cao điểm

Ngoài ba yếu tố chính, các yếu tố về mức độ hỗ trợ, mức độ tương tác và mức độ phản hồi cũng ảnh hưởng nhất định đến ý định sử dụng của SV, góp phần hoàn thiện trải nghiệm sử dụng hệ thống. Tính hỗ trợ được SV đánh giá cao khi giúp tăng sự trao đổi giữa người dạy và người học "LMS rất tiện lợi để mình có thể làm bài tập, kiểm tra hoặc tương tác với giảng viên và bạn học của mình". Tuy nhiên, tính phản hồi và tương tác không ảnh hưởng đáng kể đến ý định sử dụng LMS của SV khi vẫn còn một số hạn chế và mắc lỗi vào giờ cao điểm.

4.2. Đề xuất cải thiện LMS

Dựa vào kết quả nghiên cứu, hệ thống LMS được đề xuất cải tiến theo hai khía cạnh chủ yếu: chức năng và giao diện. Về chức năng, cần nâng cấp tính năng thông báo nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin lớp học, bài tập cá nhân hay tài liệu từ giảng viên, tính năng tin nhắn và tính năng lưu trữ cũng được SV quan tâm và cần được chú trọng hơn trong quá trình cải tiến. Bên cạnh đó, bốn đề xuất về giao diện hệ thống bao gồm tính thẩm mỹ và khả năng tương tác, khả năng hỗ trợ tiếng Việt, khả năng tích hợp cùng các ứng dụng khác và khả năng hiển thị tối ưu trên màn hình nhỏ. Các đề xuất được xây dựng dựa trên mối liên hệ chặt chẽ giữa yếu tố hữu ích và yếu tố dễ sử dụng đối với ý định sử dụng LMS của SV. Do đó, việc cải thiện các yếu tố trên được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy việc ứng dụng hệ thống LMS vào học tập một cách hiệu quả.

5. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy ba yếu tố có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến ý định sử dụng hệ thống LMS của SV gồm: ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý xã hội ($\beta = 0.387$), mức độ hữu ích ($\beta = 0.380$) và mức độ dễ sử dụng ($\beta = 0.260$). Trong đó, ảnh hưởng của yếu tố tâm lý xã hội là mạnh nhất, phản ánh việc SV thường xuyên sử dụng LMS không chỉ vì nhu cầu cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng từ bạn bè, giảng viên hoặc quy định của nhà trường. Mức độ hữu ích và dễ sử dụng cũng đóng vai trò quan trọng khi hệ thống được đánh giá là giúp SV tiếp cận tài liệu, làm bài tập, theo dõi tiến độ học tập và dễ thao tác trên nhiều thiết bị. Ngược lại, các yếu tố như mức độ hỗ trợ, mức độ tương tác và mức độ phản hồi không đạt mức ý nghĩa thống kê ($p > 0.05$), cho thấy những chức năng này tuy được SV nhận diện nhưng chưa thực sự vận hành hiệu quả để tạo ảnh hưởng rõ nét đến hành vi sử dụng. Kết quả nghiên cứu phần nào phản ánh thực trạng triển khai LMS trong bối cảnh đại học hiện nay: hệ thống đáp ứng

về mặt công cụ nhưng vẫn còn hạn chế về mặt tương tác và hỗ trợ học tập toàn diện. Điều này đặt ra yêu cầu cần cải thiện trải nghiệm người dùng, đồng thời phát huy các yếu tố tâm lý xã hội và tính thực tiễn để nâng cao hiệu quả sử dụng LMS trong môi trường giáo dục đại học.

6. Kết luận và khuyến nghị

6.1. Kết luận

Bài nghiên cứu cho thấy ba yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến ý định sử dụng LMS của SV lần lượt theo mức độ giảm dần là: ảnh hưởng tâm lý xã hội, mức độ hữu ích và mức độ dễ sử dụng. Ngoài ra, mức độ phản hồi, hỗ trợ và tương tác cũng có ảnh hưởng nhất định, góp phần hoàn thiện trải nghiệm sử dụng hệ thống, từ đó củng cố niềm tin và sự gắn bó của SV với LMS. Từ những kết quả trên, nhóm tác giả đưa ra đề xuất nhằm thúc đẩy ý định sử dụng LMS và hỗ trợ SV một cách toàn diện hơn trong môi trường học tập hiện đại.

6.2. Khuyến nghị

Sinh viên cần nâng cao nhận thức về vai trò và lợi ích của LMS, xem đây không chỉ là công cụ hỗ trợ học tập bắt buộc mà còn là nền tảng giúp phát triển năng lực tự học hiệu quả. SV cần rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để khai thác tốt các chức năng như tải tài liệu, tham gia diễn đàn, làm bài kiểm tra nhằm tối ưu trải nghiệm học tập.

Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thái độ tích cực cho SV thông qua việc ứng dụng các tính năng tương tác trên LMS như diễn đàn, phản hồi bài, khảo sát, công cụ nhóm nhằm tăng cường sự kết nối và khuyến khích SV tham gia chủ động. Đồng thời, giảng viên nên tích hợp LMS với các công cụ giảng dạy khác để tạo môi trường học tập sáng tạo.

Nhà trường cần tổ chức tập huấn định kỳ cho giảng viên và SV về cách sử dụng LMS, đặc biệt là SV năm thứ nhất. Nhà trường cũng nên xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng dưới dạng dễ tiếp cận như ebook hoặc video. Cần có chính sách khuyến khích việc ứng dụng LMS đồng bộ giữa các khoa và tăng cường cải tiến hệ thống theo hướng cá nhân hóa để nâng cao trải nghiệm học tập. Bên cạnh đó, tích hợp các công cụ đo lường, khảo sát thường xuyên giúp điều chỉnh kịp thời để hoàn thiện LMS phù hợp với thực tế.

Như vậy, sự phối hợp chặt chẽ giữa SV, giảng viên và nhà trường sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sử dụng LMS, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Alharbi, A., Aljojo, N., Zainol, A., Alshutayri, A., Alharbi, B., Aldhahri, E.,... & Almandeel, S. (2021). *Identification of critical factors affecting the students' acceptance of Learning Management System (LMS) in Saudi Arabia.* International Journal of Innovation, 9(2), 353-388.

[2] Bui, T. K., Nguyen, M. H., Tran, V. H. N., & Nguyen, H. B. (2020). *Lecturers› adoption to use the online learning management system (LMS): Empirical evidence from TAM2 model for Vietnam.* Journal of Science Ho Chi Minh City Open University, 10(2), 3-17. http://dx.doi.org/10.46223/HCMCOUJS.econ.en.10.1.216.2020.

[3] Karim, M. W., Haque, A., Ulfy, M. A., & Hossin, M. S. (2021). *Factors influencing student satisfaction towards distance learning apps during the coronavirus (Covid-19) pandemic in Malaysia.* International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development, 10(1), 45-58.

[4] Davis, F. D. (1989). *Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology.* MIS Quarterly, 13(3), 319-340. https://doi.org/10.2307/249008.

[5] Nikou, S. A., & Economides, A. A. (2017). *Mobile-based assessment: Integrating acceptance and motivational factors into a combined model of self-determination theory and technology acceptance.* Computers in Human Behavior, 68, 83-95. https://doi.org/10.1016/j.chb.2016.11.020.

[6] Nikou, S. A., & Economides, A. A. (2018). *Mobile-based assessment: A literature review of publications in major referred journals from 2009 to 2018.* Computers & Education, 125, 101-119. https://doi.org/10.1016/j.compedu.2018.06.006.

[7] Turnbull, D., Chugh, R., & Luck, J. (2020). *Learning management systems: A review of the research methodology literature in Australia and China.* International Journal of Research & Method in Education, 44(2), 164-178. https://doi.org/10.1080/1743727X.2020.1737002.

[8] Trần Quốc Trung (2021). *Hệ thống quản lý học tập trực tuyến trong giáo dục đại học.* Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số đặc biệt tháng 1, tr. 66-72.

[9] Traxler, J. (2007). *Defining, discussing, and evaluating mobile learning: The moving finger writes and having writ*…. The International Review of Research in Open and Distributed Learning, 8(2), 1-12. https://doi.org/10.19173/irrodl.v8i2.346.

[10] Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). *User acceptance of information technology: Toward a unified view.* MIS Quarterly, 27(3), 425e478.